

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 11/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà : Hà Thi Dung

Bà : Vi Thị Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018;

Đối với các bị cáo:

1. Đào Xuân H (tên gọi khác: N); sinh ngày 18 tháng 11 năm 1991 tại xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn TL 1, xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 2/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Xuân L và bà Hà Thị N; chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 07/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2016; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 20/3/2018, tạm giam ngày 29/3/2018; có mặt.

2. Trương Xuân Đ; sinh ngày 15 tháng 12 năm 1982 tại xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn K, xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Công S và bà: Bùi Thị H; Có vợ là Phạm Thị T và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 20/3/2018; ngày 28/3/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hòa: Ông Nguyễn Ngọc Khang; Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại: Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị hại: Ông Ngân Văn C; sinh năm 1959; Nơi cư trú: Khu I, Thị trấn QS, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T; sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn K, xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 20/3/2018 tổ công tác Công an huyện QS Tuần tra khu vực khu I thuộc Thị trấn huyện QS đã phát hiện, truy đuổi, bắt quả tang Đào Xuân H và Trương Xuân Đ đang có hành vi vận chuyển 02 con dê trên xe mô tô BKS: 36B1-97023 theo đường Quốc lộ 217 hướng QS đi BT.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 19/3/2018, sau khi uống nước xong ở quán nước Cây xăng thuộc Thôn TL, xã CT, huyện CT thì Đào Xuân H rủ Trương Xuân Đ đến huyện QS để trộm cắp dê thì Đ đồng ý. Trương Xuân Đ dùng chiếc xe mô tô mang BKS: 36B1-97023 (đăng ký xe mang tên Trương Xuân Đ) chở Đào Xuân H về nhà H để H lấy áo ấm rồi cả hai cùng đi từ nhà H (ở Thôn TL 1, xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa) đến huyện QS, tỉnh Thanh Hóa để thực hiện kế hoạch trộm cắp dê đã định sẵn. Khi đến thị trấn huyện QS, H bảo Đ dùng xe để H xuống nhặt 02 bao tải sắc rắn ở ven đường với ý định là để đựng dê khi bắt trộm được dê. Sau đó cả hai tiếp tục đi xe mô tô lên phía trên của thị trấn QS theo đường Quốc lộ 217. Khi đến khu vực chuồng dê của gia đình ông Ngân Văn C ở Khu I, thị trấn QS, H đã bảo Đ dùng xe lại để H xuống chuồng dê bắt dê, còn Đ đi lên phía trước cách chuồng dê khoảng 42 m để đợi và canh giới. H một mình cầm theo 02 bao tải sắc rắn đi xuống khu vực chuồng dê của gia đình ông C để bắt dê, H bật đèn pin điện thoại di động hiệu Mobiistar để soi rọi và dùng tay tháo dây thép buộc các đoạn luồng của chuồng dê nhằm tạo khoảng trống. H chui vào chuồng dê soi đèn tìm bắt con dê đực. H dùng tay phải bóp miệng con dê để dê không kêu, tay trái túm sừng đẩy con dê vào trong bao bì rồi ôm ra ngoài đường bằng lối vào rồi gọi Đ đến để giữ con dê thứ nhất. H tiếp tục xuống chuồng dê bắt tiếp con dê thứ hai. Cách thức bắt con dê thứ hai được H thực hiện như bắt con dê thứ nhất. Sau khi bắt được dê xong, H đưa cho Đ ôm 01 con và ngồi phía sau xe mô tô còn H đặt một con ở phía trước xe và điều khiển xe mô tô với ý định đi về huyện CT để bán để lấy tiền tiêu sài cho cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/KLĐGTS ngày 21/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện QS kết luận: Tổng trọng lượng 02 con dê là 46 kg. Giá 01 kg dê cân hơi là 130.000 đồng (theo giá thị trường khảo sát tại địa phương tại thời điểm bị mất trộm). Tổng trị giá 02 con dê bị mất trộm là 5.980.000 đồng (Năm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B1-97023; 01 đăng ký xe mô; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01

giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy bắt buộc; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Trương Xuân Đ.

- 01 Điện thoại di động NOKIA màu xanh mang 01 sim có số thuê bao: 0989544295 của Trương Xuân Đại; 01 Điện thoại di động hiệu Mobiistar màu trắng mang hai sim có các số thuê bao: 01674259991 và 01636611956 của Đào Xuân H.

Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QS.

- 02 con dê đực, lông màu trắng, đen; Ngày 22/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QS đã giao lại cho gia đình ông Ngân Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 3.500.000đ cho gia đình ông Ngân Văn C do 01 con dê bị chết. Người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSQS ngày 30/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Đào Xuân H và Trương Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS);

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đào Xuân H và Trương Xuân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Đào Xuân H từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam. Áp dụng khoản 1 Điều 65; khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Trương Xuân Đ từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo H thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, hơn nữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, nhận tội nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo cơ hội để bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, cải tạo tốt để trở thành người lương thiện.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì khác; lời nói sau cùng của các bị cáo đều nhận tội, xin được hưởng khoan hồng của pháp luật và được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Biên bản sự việc ban đầu, Biên bản tạm giữ đồ vật, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ của vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Rạng sáng, ngày 20/3/2018 các bị cáo Đào Xuân H, Trương Xuân Đ có hành vi trộm cắp 02 con dê của gia đình ông Ngân Văn C ở khu I, thị trấn QS, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Hai con dê có tổng trọng lượng 46 kg, có trị giá là 5.980.000đ. Đó đó, hành vi của các bị cáo Đào Xuân H và Trương Xuân Đ đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện QS truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo chỉ vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân, khi thấy có sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, đã lợi dụng chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần phải xử lý vụ án thật nghiêm tương xứng với từng hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang đã có thành tích phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

Đối với bị cáo Đào Xuân H, ngày 07/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2016 đến ngày 20/3/2018 bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 BLHS.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H thấy rằng: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa còn đề nghị xem xét tình tiết bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ

văn hóa thấp, mới học hết lớp 2 nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, đây là những tình tiết được Hội đồng xét xử chấp nhận khi xem xét xử lý vụ án và quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đào Xuân H là người khởi xướng, thực hành tích cực; phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong khi chỉ được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã từng bị kết án nhưng không lấy đó là bài học kinh nghiệm mà còn tiếp tục phạm tội. Nên cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù bắt cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Đối với bị cáo Trương Xuân Đ là người bị rủ rê, vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 3.500.000đ. Gia đình người bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

01 (một) xe máy nhãn hiệu: HONDA, loại Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát: 36B1-970.23; 01 giấy đăng ký xe, và 01 bảo hiểm bắt buộc đều mang tên Trương Xuân Đ là tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là phương tiện đi lại để phục vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày của gia đình nhưng bị cáo Đ đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội trong khi vợ bị cáo là chị Phạm Thị T không biết. Do vậy, cần tịch thu 50% giá trị chiếc xe máy trên để sung quỹ Nhà nước; Trả lại 50% giá trị chiếc xe máy cho chị Phạm Thị T; Đối với các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động Mobiistar B221 màu trắng, IMEI: 352221021485996 mang 02 sim điện thoại số thuê bao: 01674259991 và 01636611956 của bị cáo H; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, IMEI: 357139/06/038775/5 mang 01 sim số thuê bao: 0989544295 của bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe của bị cáo Trương Xuân Đ không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ.

Đối với 02 con dê là vật chứng vụ án đã được Cơ quan điều tra trả lại cho gia đình bị hại là phù hợp quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Đào Xuân H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bị cáo Trương Xuân Đ, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, tại phiên tòa bị cáo trình bày và có đơn xin được miễn án phí nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Đào Xuân H áp dụng thêm khoản 1 Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trương Xuân Đ áp dụng thêm điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố các bị cáo Đào Xuân H và Trương Xuân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đào Xuân H, 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo công tác thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Xuân Đ, 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trương Xuân Đ cho Ủy ban nhân dân xã CT, huyện CT tỉnh Thanh hóa giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 50% giá trị chiếc xe máy HONDA, loại Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát: 36B1-970.23 (kèm theo 01 giấy đăng ký xe, và 01 bảo hiểm bắt buộc đều mang tên Trương Xuân Đ), trả lại 50% giá trị chiếc xe máy HONDA, loại Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát: 36B1-970.23 cho chị Phạm Thị T (vợ bị cáo Đ); Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Mobiistar B221 màu trắng, IMEI : 352221021485996 mang 02 sim điện thoại số thuê bao: 01674259991 và 01636611956 của Đào Xuân H; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, IMEI: 357139/06/038775/5 mang 01 sim số thuê bao: 0989544295 của Trương Xuân Đ; Trả lại cho bị cáo Trương Xuân Đ 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Xuân Đ.

3. Án phí: Buộc bị cáo Đào Xuân H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trương Xuân Đ được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Công an huyện Quan Sơn(02);
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Hữu Văn